HÀNG RÀO PHI THUẾ QUAN ĐỐI VỚI HÀNG NÔNG SẢN THỰC PHẨM TRONG THỜI KỲ HỘI NHẬP KINH TẾ THẾ GiỚI

Nguyễn Tử Cương
fitesvietnam@gmail.com
Điện thoại: 0903.421.228

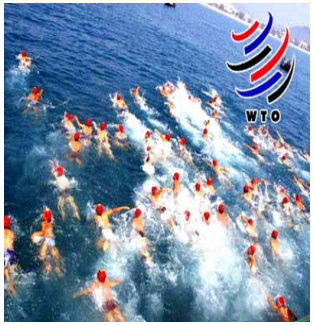

NỘI DUNG

1. Hàng rào phi thuế quan trong thời kỳ hội nhập
2. Kết quả đáp ứng các quy định về SPS của Việt Nam
3. Nội dung dự thảo của FDA hướng dẫn thi hành luật thực phẩm sửa đổi.

1. Hàng rào phi thuế quan trong thời kỳ hội nhập

1.1. Tổ chức Thương mại thế giới

a. Xuất xứ

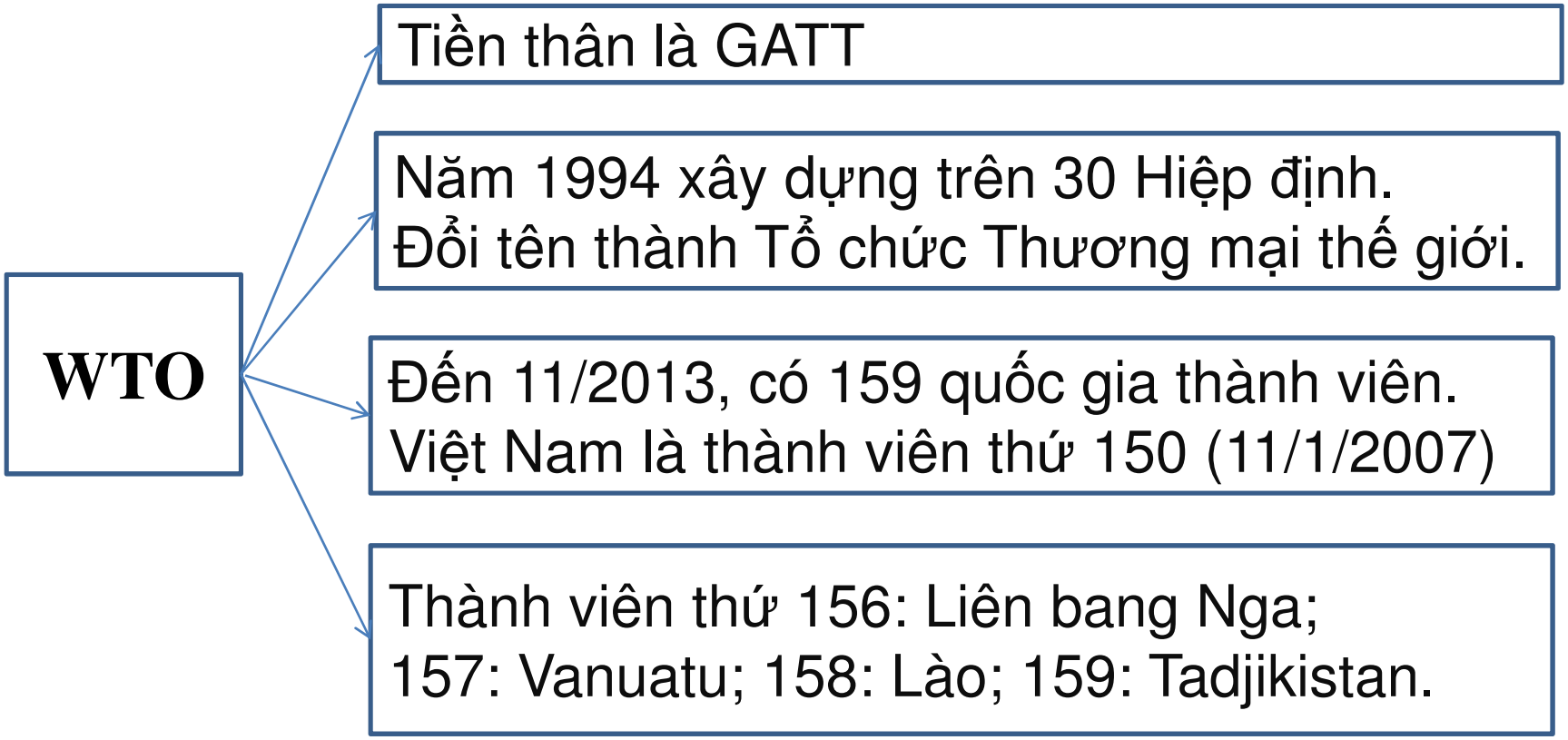

b. Mục tiêu của WTO

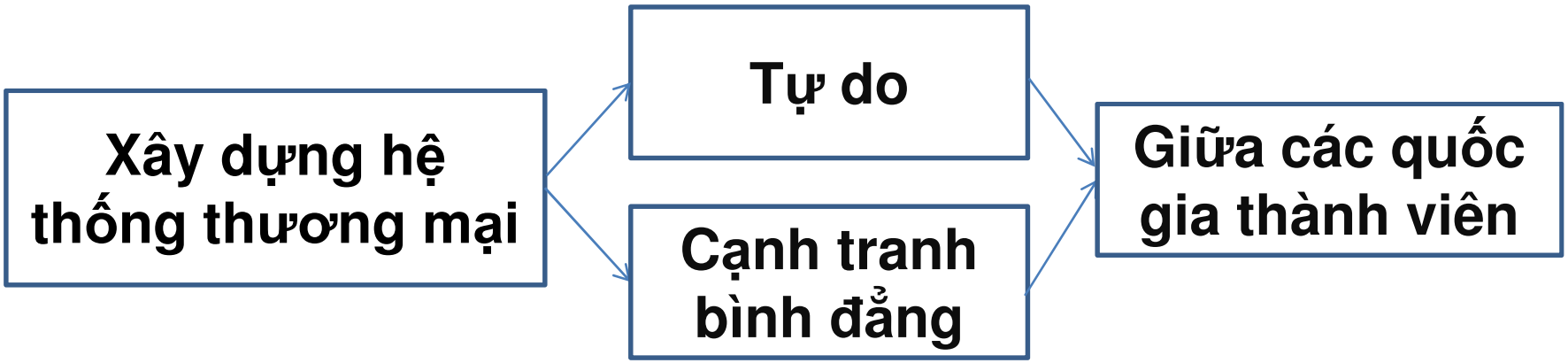

1.2. Các loại rào cản trong thời kỳ hội nhập

TT	Các loại rào cản	Trước khi hội nhập	Sau khi hội nhập
1	Thuế	Mỗi nước tuỳ ý áp đặt cho hàng hoá nhập khẩu để bảo hộ hàng hoá nội địa và ngược lại	Cắt giảm tới mức ngang bằng qui định của WTO
2	Hạn ngạch (Quota)		Bị dỡ bỏ
3	Kỹ thuật (TBT)		Đã được quy định thành hiệp định của WTO
4	ATTP và BD (SPS)		
5	Các loại rào cản khác: ✓ Chống trợ cấp Chính phủ ✓ Chống bán phá giá ✓ Chống vi phạm nhãn hiệu, bản quyền ✓ Chống vi phạm kiểu dáng công nghiệp…		Đã được quy định thành hiệp định của WTO

®

1.3. Nội dung Hiệp định TBT trong sản xuất thực phẩm

TBT

- Tính khả dụng (chất lượng và dinh dưỡng)
- Tính trung thực kinh tế (không gian lận)
- Bảo vệ động, thực vật quý hiếm (sách đỏ)
- Bảo vệ môi trường và môi sinh

1.4. Nội dung Hiệp định SPS trong sản xuất thực phẩm

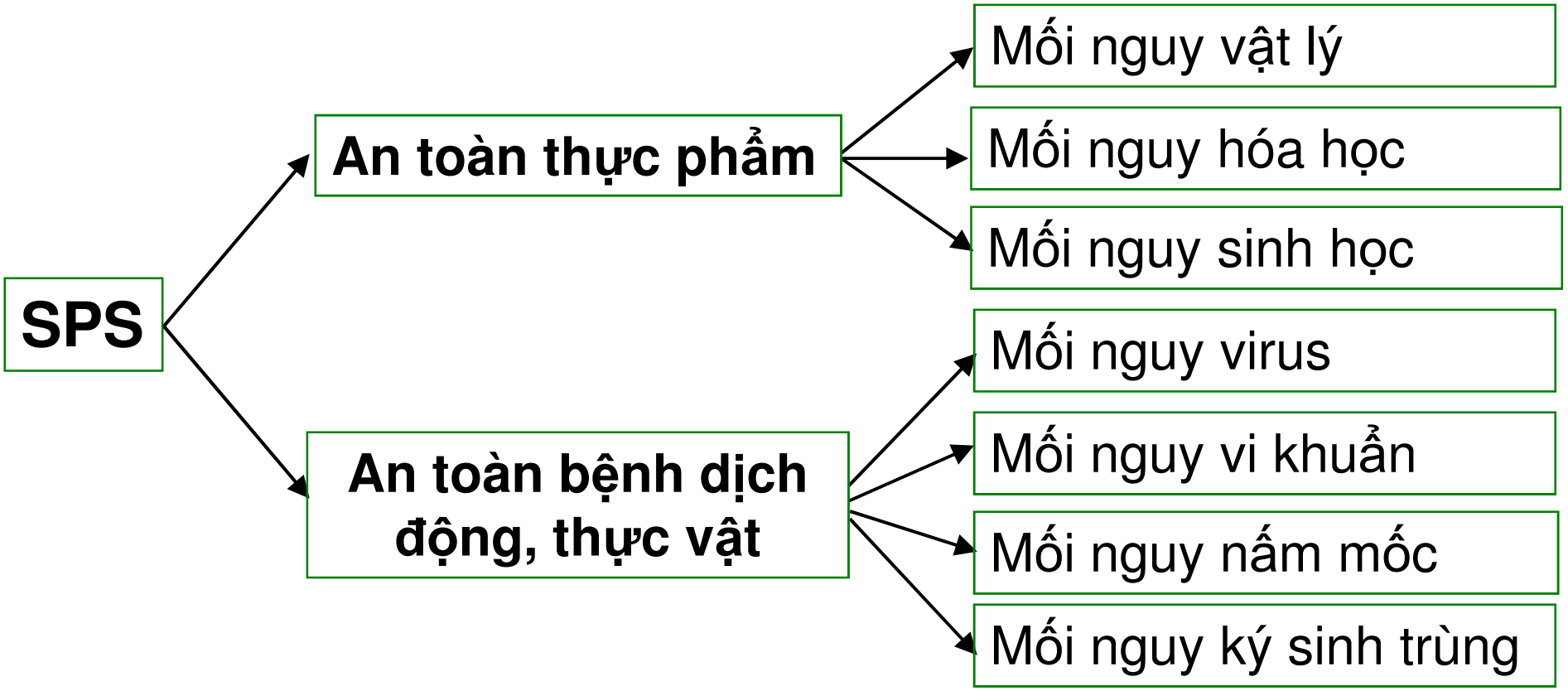

SPS: **S**anitary and **P**hyto**s**anitary Measures

®

1.5. Đổi mới tư duy trong thời kỳ hội nhập

(Nguyên PTT Vũ Khoan; TBKT 10/2/2007)

Tư duy	Trước hội nhập	Sau hội nhập
Phạm vi	Quốc gia	Toàn cầu
Hành xử	Theo mệnh lệnh	Theo cơ sở kinh tế kỹ thuật (văn bản quy phạm pháp luật)
Chính sách	- Bảo hộ - Co cụm - Bao cấp	- Tiến công - Chủ động chiếm lĩnh thị trường - Chủ động cạnh tranh

®

2. Kết quả đáp ứng các quy định về SPS của Việt Nam

2.1. Đặc điểm của thị trường

TT	Quốc gia điển hình	Mức độ áp dụng SPS
Nhóm 1	EU/ Nauy/ Thụy Sỹ; Nhật Bản; Mỹ; Canada; Hàn Quốc v.v…	✓ Luật thực phẩm đáp ứng SPS ✓ Thủ tục minh bạch ✓ Kiểm soát chặt chẽ
Nhóm 2	Trung Quốc, Nga/ Belarus/ Kazactan; Đài Loan; Franch Polynesia; Braxin; Ucraina; Papua New Guinea; Peru; Macedonia; Argentina; Indonexia, Newdilan (Việt Nam) v.v…	✓ Hệ thống luật pháp theo hướng SPS ✓ Thủ tục rườm rà, phiền hà, hay thay đổi ✓ Hiệu quả kiểm soát không cao
Nhóm 3		✓ Hệ thống văn bản pháp quy chưa rõ ràng, chưa tương thích với SPS ✓ Nhu cầu nhập khẩu nông sản thực phẩm không lớn.

®

2.2. Phân công quản lý nhà nước của Bộ NN&PTNT trong kiểm soát nội dung SPS

a. QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010

TT	Nhóm sản phẩm	Sản xuất ban đầu	Giết mổ/ sơ chế/ chế biến	Kinh doanh		
				Nhập khẩu	*Lưu thông trong nước*	*Xuất khẩu*
1	**Sản phẩm động vật trên cạn tươi sống dùng làm thực phẩm**	-Cục CN -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục TY -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục TY -NAFIQAD (kiểm tra tại nước XK và công nhận danh sách các cơ sở được phép XK vào Việt Nam)	-Cục TY -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục TY

®

a. QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010 (tt)

TT	Nhóm sản phẩm	Sản xuất ban đầu	Giết mổ/ sơ chế/ chế biến	Kinh doanh		
				Nhập khẩu	***Lưu thông trong nước***	***Xuất khẩu***
2	**Thủy sản và sản phẩm thủy sản dùng làm thực phẩm**	-TCTS (nuôi trồng, khai thác). -NAFIQAD (các chương trình giám sát quốc gia, kiểm tra công nhận tàu cá)	NAFIQAD	-NAFIQAD -Cục TY (kiểm tra tại cửa khẩu)	NAFIQAD	NAFIQAD

®

a. QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010 (tt)

TT	Nhóm sản phẩm	Sản xuất ban đầu	Giết mổ/ sơ chế/ chế biến	Kinh doanh		
				Nhập khẩu	***Lưu thông trong nước***	***Xuất khẩu***
3	**Rau các loại** *(rau tươi, rau chế biến)*	-Cục TT -Cục BVTV (giám sát sử dụng thuốc BVTV) -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục TT (sơ chế gắn liền với cơ sở trồng trọt) -Cục BVTV (cơ sở sơ chế độc lập). -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra tại nước XK và công nhận nước xuất khẩu)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV

a. QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010 (tt)

TT	Nhóm sản phẩm	Sản xuất ban đầu	Giết mổ/ sơ chế/ chế biến	Kinh doanh		
				Nhập khẩu	***Lưu thông trong nước***	***Xuất khẩu***
4	**Quả các loại** *(rau tươi, rau chế biến)*	-Cục TT -Cục BVTV (giám sát sử dụng thuốc BVTV) -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục CB -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra tại nước XK và công nhận nước xuất khẩu)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV

®

a. QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010 (tt)

TT	Nhóm sản phẩm	Sản xuất ban đầu	Giết mổ/ sơ chế/ chế biến	Kinh doanh		
				Nhập khẩu	***Lưu thông trong nước***	***Xuất khẩu***
5	**Sản phẩm cây công nghiệp**	-Cục TT -Cục BVTV (giám sát sử dụng thuốc BVTV) -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục CB -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra tại nước XK và công nhận nước xuất khẩu)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV

®

a. QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010 (tt)

TT	Nhóm sản phẩm	Sản xuất ban đầu	Giết mổ/ sơ chế/ chế biến	Kinh doanh		
				Nhập khẩu	***Lưu thông trong nước***	***Xuất khẩu***
6	**Sản phẩm cây lương thực khác**	-Cục TT -Cục BVTV (giám sát sử dụng thuốc BVTV) -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục CB -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra tại nước XK và công nhận nước xuất khẩu)	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV

®

a. QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL ngày 20/12/2010 (tt)

TT	Nhóm sản phẩm	Sản xuất ban đầu	Giết mổ/ sơ chế/ chế biến	Kinh doanh		
				Nhập khẩu	***Lưu thông trong nước***	***Xuất khẩu***
7	**Muối ăn**	-Cục Chế biến TM NLS và nghề muối				
8	**Các loại lâm sản dùng là thực phẩm**	-TCLN -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục CB -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV	-Cục BVTV -NAFIQAD (kiểm tra theo kế hoạch; kiểm tra đột xuất được Bộ phê duyệt)	-Cục BVTV

b. Nhận xét

✓ **Hiện trạng**

- Các công đoạn trong chuỗi sản xuất của một mặt hàng do nhiều cơ quan kiểm soát.
- Một số công đoạn sản xuất có từ 2 cơ quan kiểm soát trở lên.
- Giữa các cơ quan của Bộ NN&PTNT chưa thống nhất về chỉ tiêu, mức giới hạn và phương pháp kiểm soát.

✓ **Hậu quả:**

- Doanh nghiệp sản xuất trong nước rất khó khăn trong việc tìm đọc văn bản hướng dẫn; mất thời gian đón tiếp; phí, lệ phí phải nộp lớn.
- Cơ quan nhà nước có thẩm quyền và doanh nghiệp nước ngoài: không hiểu vì sao chúng ta làm như vậy.

2.3. Kết quả đáp ứng nội dung SPS của các quốc gia trên thế giới trong lĩnh vực thủy sản

2.3.1. Xuất khẩu

a. Thỏa thuận nội dung SPS trong xuất khẩu thủy sản

TT	Thị trường	Sản phẩm	Nội dung yêu cầu
1÷4	EU/ Nauy/ Thụy Sỹ/ Thổ Nhĩ Kỳ	Tất cả sản phẩm thủy sản	✓Tất cả các công đoạn sản xuất phải kiểm soát ATTP ✓Danh sách doanh nghiệp XK phải được nước NK chấp thuận ✓Từng lô hàng phải do NAFIQAD cấp Certification of Health (CH)
5÷12	Hàn Quốc; Trung Quốc; Nga/ Belarus/ Kazactan; Braxin; Indonexia; Argentina	Tất cả sản phẩm thủy sản	✓Danh sách doanh nghiệp XK thủy sản phải được CQ thẩm quyền nước NK chấp nhận. ✓Tất cả lô hàng XK phải do NAFIQAD cấp CH.

®

a. Thỏa thuận nội dung SPS trong xuất khẩu thủy sản (tt)

TT	Thị trường	Sản phẩm	Nội dung yêu cầu
13÷17	Secbia, Franch Polynesia, Peru, Macedonia	Tất cả sản phẩm thủy sản	Lô hàng thủy sản xuất khẩu phải do NAFIQAD cấp CH
18	Đài loan	Thủy sản sống	Lô hàng XK phải do NAFIQAD cấp CH
19÷20	Ucraina; Papua New Guinea	Cá tra và basa	Lô hàng XK phải do NAFIQAD cấp CH
21	Newdiland	Cá tra, basa; nhuyễn thể 2 mảnh vỏ	Lô hàng XK phải do NAFIQAD cấp CH

®

b. Quốc gia có chế độ kiểm soát khác biệt

Hoa Kỳ *(tình hình từ 12/2010 về trước)*

- ✓ Công bố Luật An toàn sinh học, và Luật Thực phẩm.
- ✓ **Nhà nhập khẩu** phải kiểm soát ATTP và đăng ký với FDA.
- ✓ **Nhà xuất khẩu** trực tiếp đăng ký với FDA hoặc thông qua nhà nhập khẩu.
- ✓ **FDA kiểm soát**:

- Hồ sơ trước khi lô hàng đến.
- Lấy mẫu kiểm tra dựa trên kết quả đánh giá nguy cơ.
- Đưa tên doanh nghiệp vi phạm vào danh sách/ mạng cảnh báo

b. Quốc gia có chế độ kiểm soát khác biệt (tt)

Nhật Bản từ 2007 đến nay:

✓ Công bố Luật An toàn thực phẩm sửa đổi.

✓ Thực hiện lấy mẫu kiểm tra và thực hiện:

- **Cảnh báo doanh nghiệp**: Nếu phát hiện lô hàng đầu tiên không ATTP;
- **Cấm nhập khẩu đối với doanh nghiệp:** Có 3 lô liên tục vi phạm cùng chỉ tiêu trong thời gian 3 tháng;
- **Kiểm tra 100% lô hàng của quốc gia**: Nếu có ≥ 5% lô hàng bị phát hiện cùng một chỉ tiêu không ATTP trong thời gian 3 tháng.

2.3.2. Đối với thủy sản nhập khẩu

a. Thông qua thỏa thuận song phương

- ✓ NAFIQAD thực hiện kiểm tra ĐKSX của doanh nghiệp nước xuất khẩu cùng với:
- Cục Thú y, nếu là sản phẩm động vật trên cạn và thủy sản.
- Cục Bảo vệ Thực vật, nếu là sản phẩm thực vật trên cạn.
- ✓ Công nhận danh sách doanh nghiệp được phép xuất khẩu thủy sản/ động vật trên cạn/ thực vật trên cạn nhập khẩu vào Việt Nam.
- ✓ Thực hiện lấy mẫu kiểm tra khi lô hàng cập cảng Việt Nam theo phân công (QĐ 3048/QĐ-BNN-QLCL).

2.3.2. Đối với thủy sản nhập khẩu (tt)

b. Đến 11/2013 có 10 quốc gia đã chấp nhận các cơ quan nhà nước có thẩm quyền Việt Nam kiểm tra ĐKSX các doanh nghiệp xuất khẩu nông, lâm, thủy sản vào Việt Nam là:

1. Hàn Quốc
2. Trung Quốc
3. Hoa Kỳ
4. Nga
5. Ucraina
6. Canada
7. Argentina
8. Nhật Bản
9. Austraylia
10. Nauy

3. Nội dung dự thảo của FDA hướng dẫn thi hành Luật Thực phẩm sửa đổi

3.1. Hệ thống văn bản luật của Hoa Kỳ về kiểm soát ATTP

TT	Tên văn bản	Tổng quan/ trọng tâm
1.	Bộ luật Hoa Kỳ - US Code	✓50 tập ✓7 chương về nông nghiệp ✓21 chương về thực phẩm và y học ✓Chương 9, mục 21 về an toàn thực phẩm
2.	Luật liên bang - Code of Federal Regulation	✓FDA được giao quyền kiểm soát ATTP
3.	Luật liên bang thực phẩm, dược phẩm và mỹ phẩm: Federal Food, Drug and Cosmetics Act - FFDCA	✓FDA được giao quyền kiểm soát ATTP các sản phẩm thuốc, mỹ phẩm và thực phẩm.

®

3.1. Hệ thống văn bản luật của Hoa Kỳ về kiểm soát ATTP (tt)

TT	Tên văn bản	Tổng quan/ trọng tâm
4.	Luật Chống khủng bố sinh học: Bioterrorism Act	✓Kiểm soát và phản ứng nhanh với khủng bố sinh học qua thực phẩm ✓FDA được giao quyền triển khai nhiệm vụ này.
5.	Luật hiện đại hóa An toàn thực phẩm sửa đổi: Food Safety Modernization Act	✓Tăng cường năng lực nhằm ngăn ngừa các mối nguy về ATTP, nâng cao chất lượng thực phẩm nhập khẩu.
6.	Luật Thanh tra liên bang về sản phẩm thịt: Federal Meal Inspection Act- PPIA	✓Trình tự thủ tục kiểm soát ATTP sản phẩm thịt

®

3.1. Hệ thống văn bản luật của Hoa Kỳ về kiểm soát ATTP (tt)

TT	Tên văn bản	Tổng quan/ trọng tâm
7.	Luật Thanh tra liên bang về sản phẩm trứng: Egg Products Inspection Act- EPIA	✓Trình tự thủ tục kiểm soát ATTP sản phẩm trứng
8.	Luật Bảo vệ chất lượng thực phẩm: Food Quality Protection Act- FQPA	✓Quy định về bảo vệ chất lượng thực phẩm
9.	Luật Dịch vụ y tế cộng đồng: Public Health Service Act- PHSA	✓Quy định hoạt động y tế cộng đồng liên quan đến ngộ độc thực phẩm

®

3.2. Phân công quản lý nhà nước về ATTP của Hoa Kỳ

TT	Viết tắt	Tên cơ quan	Phạm vi kiểm soát
1.	FSIS	Cơ quan thanh tra ATTP, thuộc Bộ Nông nghiệp	✓Kiểm soát ATTP sản phẩm thịt gia súc, gia cầm và trứng đã qua chế biến.
2.	USDA	Cơ quan giám sát ATTP, thuộc Bộ Nông nghiệp	✓Kiểm soát ĐKSX ATTP thịt, trứng; kiểm tra bệnh dịch động và thực vật.
3.	FDA	Cục Thực phẩm và Dược phẩm, thuộc Bộ Y tế	✓Kiểm soát ATTP (từ sản xuất đến tiêu thụ) tất cả sản phẩm còn lại

®

3.3. Tóm tắt nội dung chính có liên quan của Luật hiện đại hóa An toàn thực phẩm Hoa Kỳ (Food Safety Modernization Act)

Chương	Nội dung liên quan/ quan trọng
Chương 1.	***Tăng cường năng lực nhằm ngăn ngừa hậu quả về ATTP*** ✓ Các doanh nghiệp XK thực phẩm vào năm chẵn phải đăng ký danh sách với FDA. ✓ FDA loại ra khỏi danh sách đối với doanh nghiệp vi phạm nghiêm trọng.
Chương 2.	***Tăng cường năng lực phát hiện và phản ứng với vấn đề ATTP*** ✓ FDA chỉ định phòng kiểm nghiệm, truy xuất nguồn gốc, giám sát, triệu hồi, tạm giữ thực phẩm, cưỡng chế thu hồi sản phẩm. ✓ FDA thực hiện kiểm tra cơ sở xuất khẩu nước ngoài. Năm 2003: 600 doanh nghiệp
Chương 3.	***Nâng cao chất lượng thực phẩm nhập khẩu*** ✓ Trình tự thủ tục kiểm soát thực phẩm nhập khẩu ✓ Tăng cường năng lực cơ quan thẩm quyền của nước XK ✓ ***Thừa nhận, công nhận bên thứ 3 của nước XK trong kiểm soát ĐKSX ATTP, chứng nhận lô hàng*** ✓ ***Thành lập văn phòng đại diện của FDA ở nước XK.***
Chương 4.	Các vấn đề khác: Tài chính, lao động để thực thi luật.

3.4. Nội dung dự luật FDA đang lấy ý kiến

3.4.1. Các dự luật và thời gian lấy ý kiến

TT	Tên dự luật	Thời gian lấy ý kiến
1.	Chương trình kiểm tra các nhà cung cấp thực phẩm nước ngoài (Foreign Supplier Verification Program - FSVP	✓Từ 29/7/2013 đến 26/11/2013 ✓***Mọi cá nhân, tổ chức đều có thể góp ý qua mạng***
2.	Quy định về công nhận đối tác kiểm soát bên thứ 3: Thanh tra viên/ cơ quan chứng nhận để kiểm soát ĐKSX ATTP và cấp giấy chứng nhận (Accreditation of Third- Party Auditors/ Certification Bodies to Conduct Food Safety Audit to Issue Certification)	

®

3.4.2. Nội dung dự luật "chương trình kiểm tra nhà cung cấp thực phẩm nước ngoài"

a. Nhà nhập khẩu thực phẩm của Hoa Kỳ phải:

- ✓ Đánh giá mối nguy trước khi lựa chọn nhà xuất khẩu.
- ✓ Đảm bảo sản phẩm nhập khẩu từ cơ sở đã kiểm soát mối nguy ATTP và có tên trong danh sách được FDA chấp nhận.
- ✓ Hoạt động kiểm soát mối nguy phải theo:

- *Nước ép trái cây, thủy sản*: Theo GMP/ HACCP do FDA công bố.
- *Các sản phẩm còn lại*: Kiểm soát theo nguyên tắc đánh giá nguy cơ và kiểm soát nguy cơ.

b. Doanh nghiệp xuất khẩu thực phẩm vào Hoa Kỳ phải:

- ✓ Đánh giá mối nguy gây mất an toàn thực phẩm toàn bộ quá trình sản xuất.
- ✓ Kiểm soát mối nguy theo quy định của Hoa Kỳ.
- ✓ Thực hiện đăng ký danh sách nhà xuất khẩu; gửi thông tin về ATTP trước khi lô hàng đến cảng của Hoa Kỳ.

3.4.3. Nội dung dự luật về công nhận Thanh tra viên/ Tổ chức bên thứ 3 trong kiểm tra chứng nhận ĐKSX ATTP, kiểm tra chứng nhận lô hàng đảm bảo ATTP

a. Lưu đồ thừa nhận, công nhận:

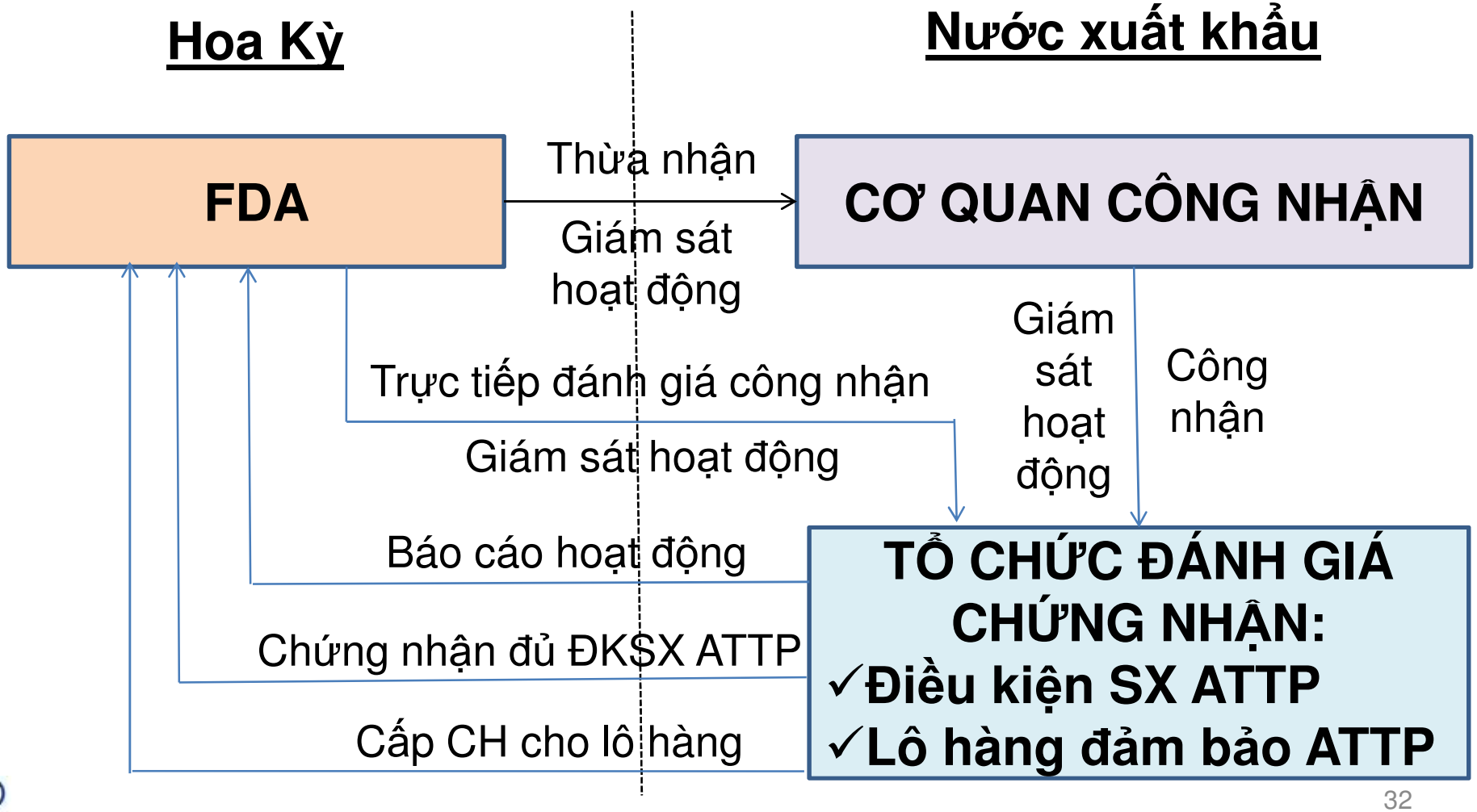

b. Điều kiện để được FDA thừa nhận

b1. Về phương pháp kiểm soát

✓ **Tổ chức/ đơn vị được thừa nhận phải thực hiện:**

- ISO/IEC 17011:2004: Đánh giá sử dụng sự phù hợp - Yêu cầu chung
- ISO/IEC Guide 65:2012: Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận.

✓ **Tổ chức được công nhận phải thực hiện:**

- ISO/IEC Guide 65:2012: Đánh giá sự phù hợp - Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận.
- ISO/TS:22003:2007: Yêu cầu đối với tổ chức chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm.

b2. Về nội dung kiểm soát

FDA công nhận các công bố của Ủy ban Codex/FAO-WHO về:

- ✓ Phương pháp đánh giá rủi ro/ mối nguy;
- ✓ Chỉ tiêu và các mức giới hạn an toàn thực phẩm:

- JECFA: Phụ gia thực phẩm
- CCFH: Chỉ tiêu và mức giới hạn ATTP
- JEMRA: Đánh giá nguy cơ vi sinh vật
- JPMR: Dư lượng thuốc bản vệ thực vật

3.5. Những nhóm hàng được miễn trừ áp dụng hai dự thảo văn bản hướng dẫn nêu trên

- ✓ Nước ép trái cây.
- ✓ Thủy sản và sản phẩm thủy sản.

Lý do:

- Hai nhóm sản phẩm này đã áp dụng GMP, HACCP do FDA công bố;
- Đã được FDA (thông qua nhà nhập khẩu) chấp nhận vào danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện.

Tuy nhiên, việc đánh giá duy trì và các lần công nhận tiếp theo vẫn thực hiện theo mục 3.4